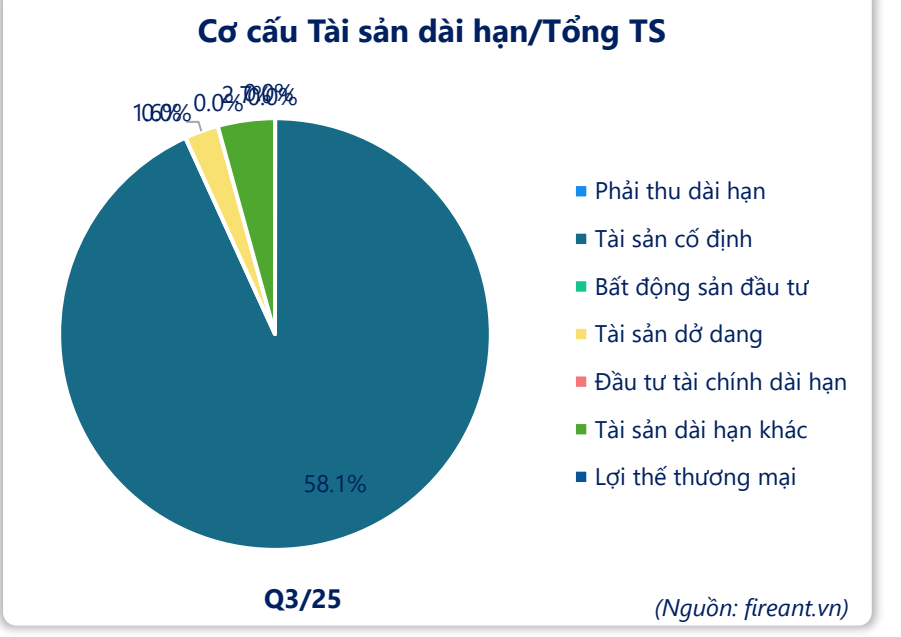
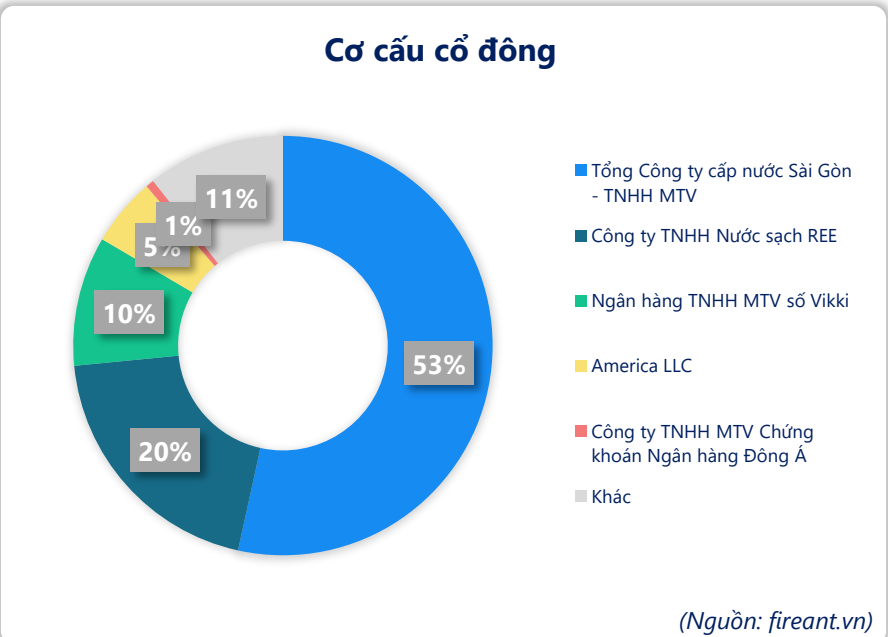
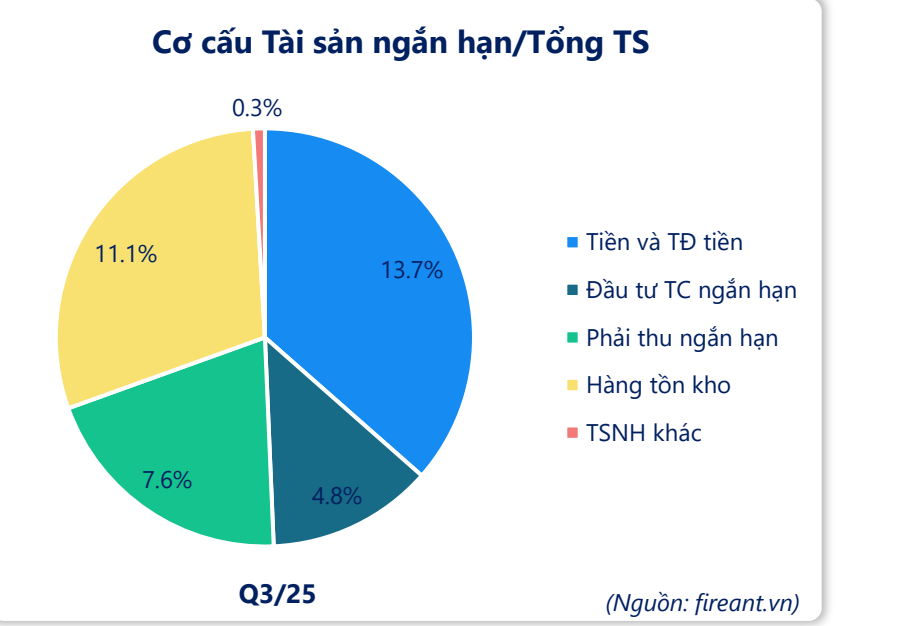
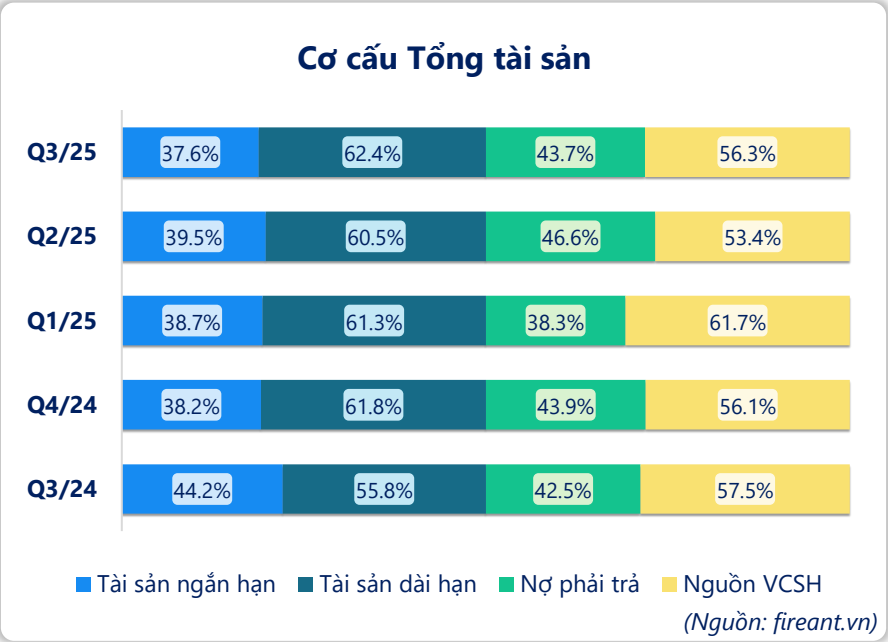
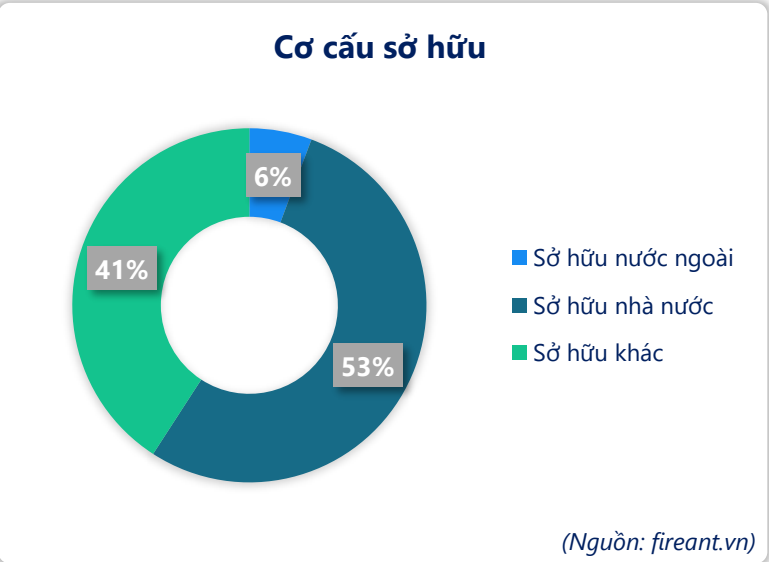
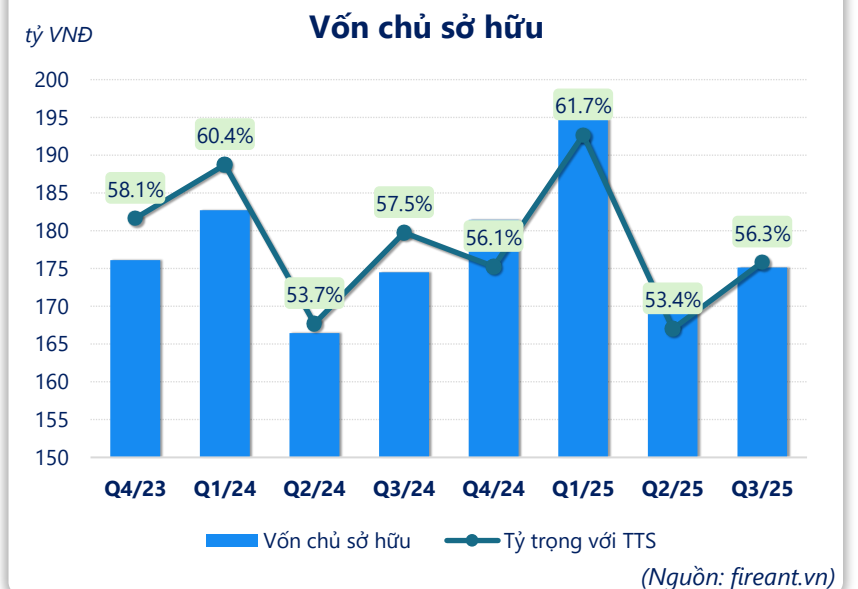
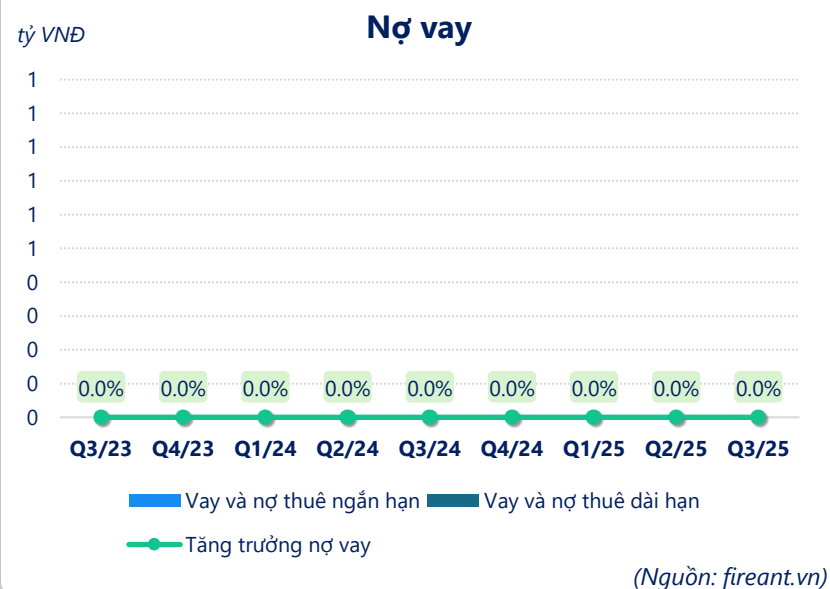
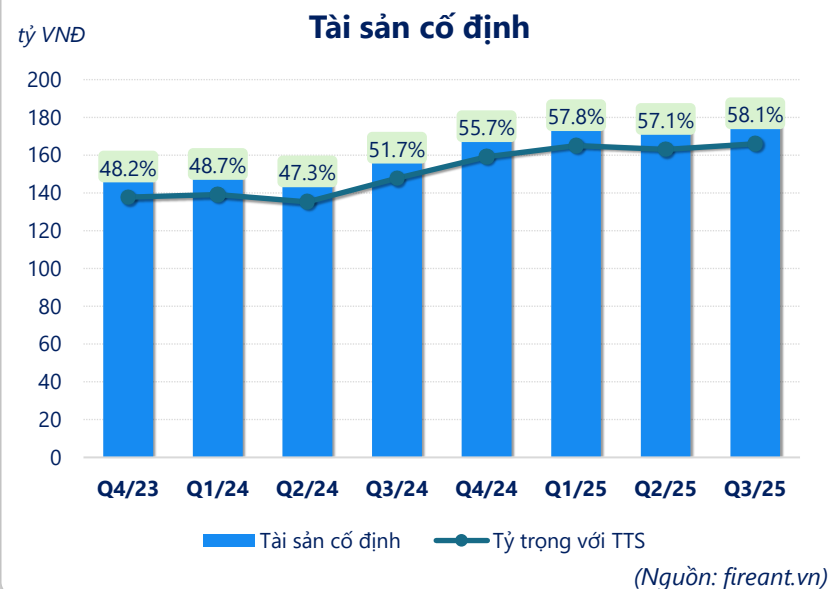
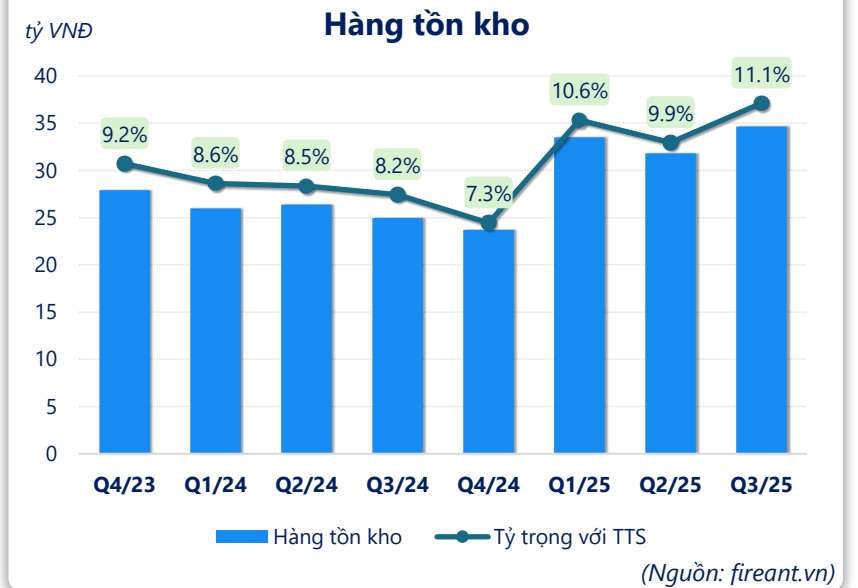
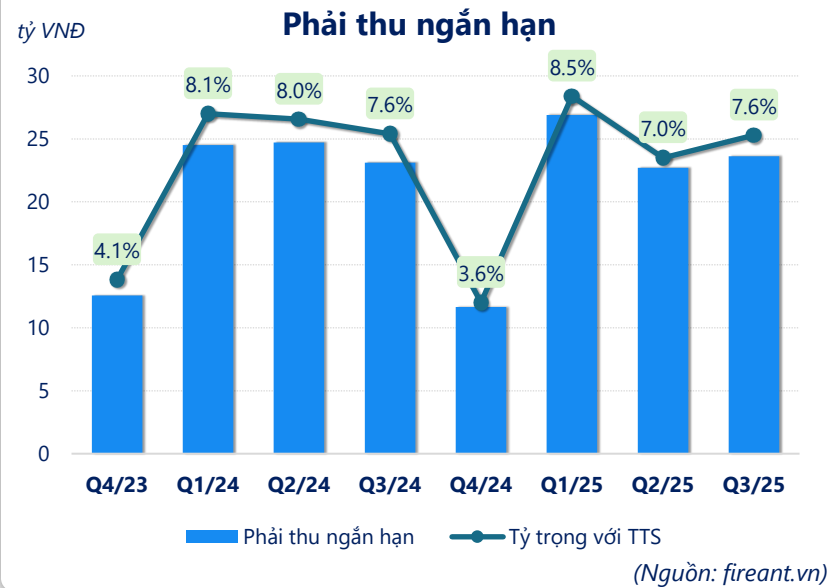
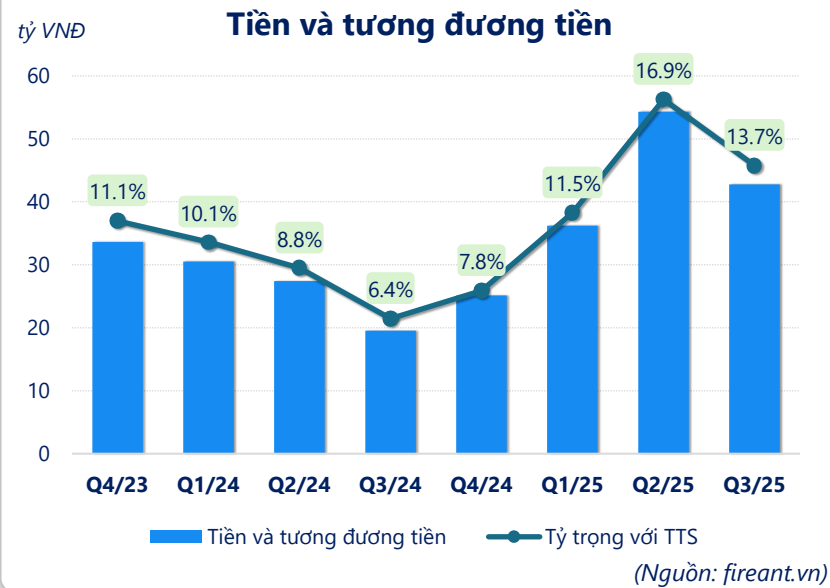
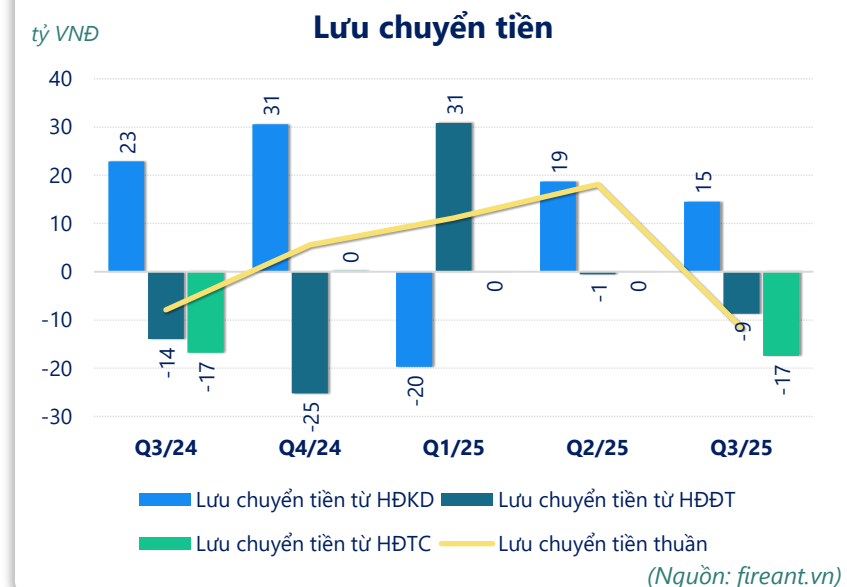
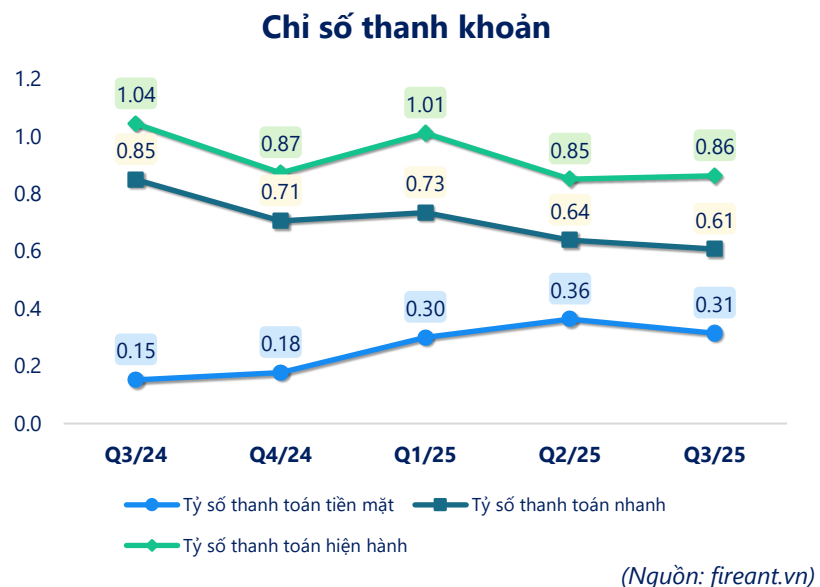
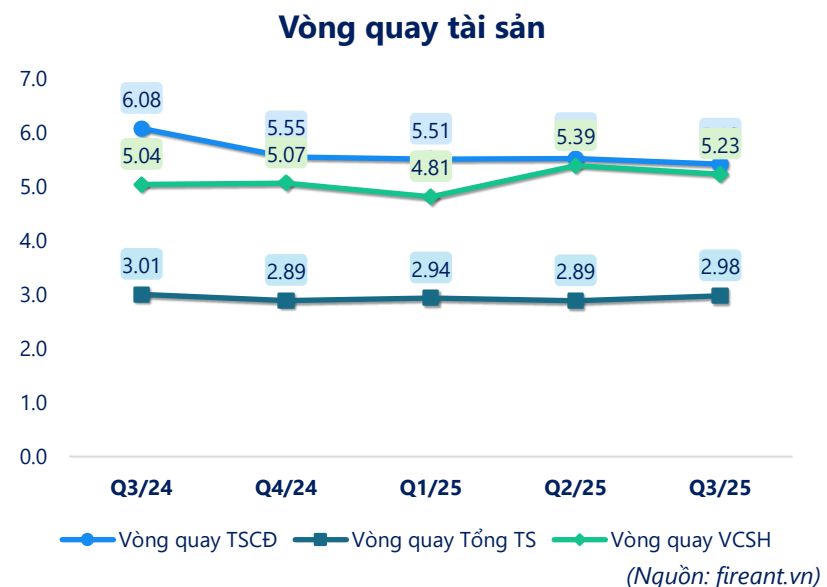
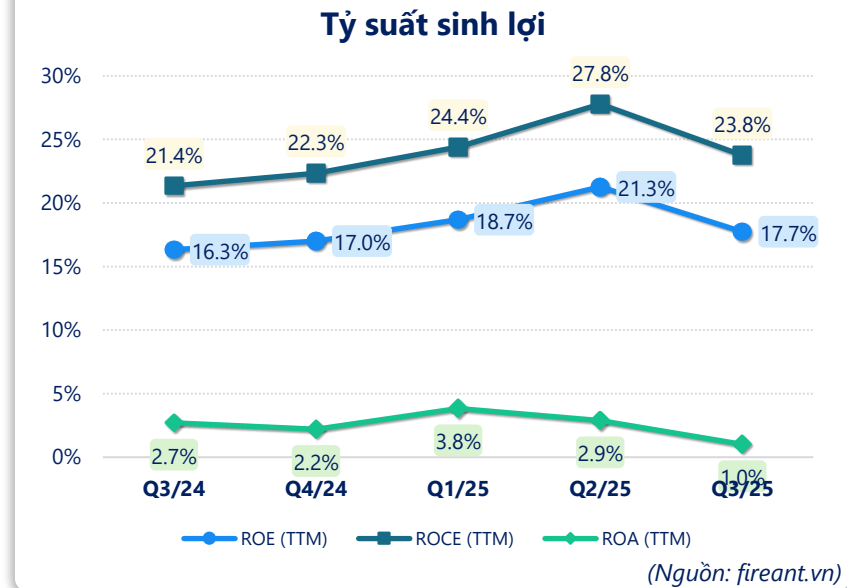
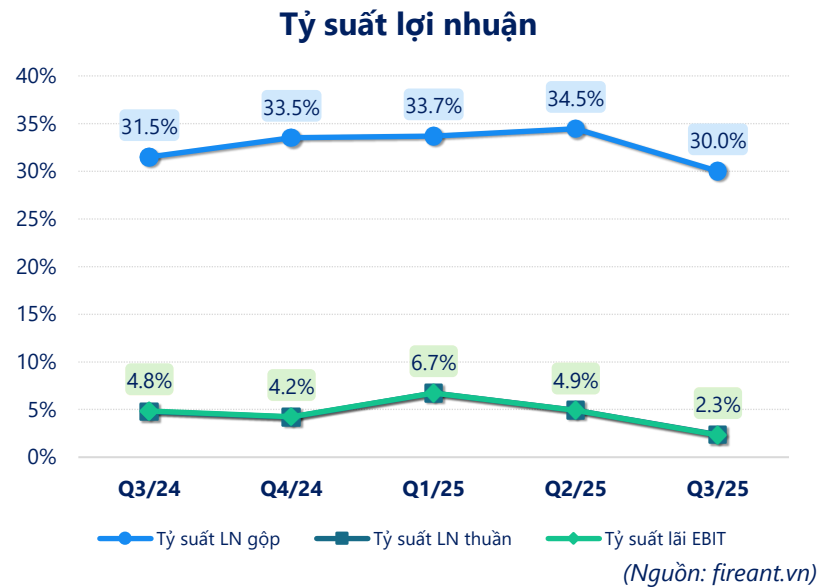
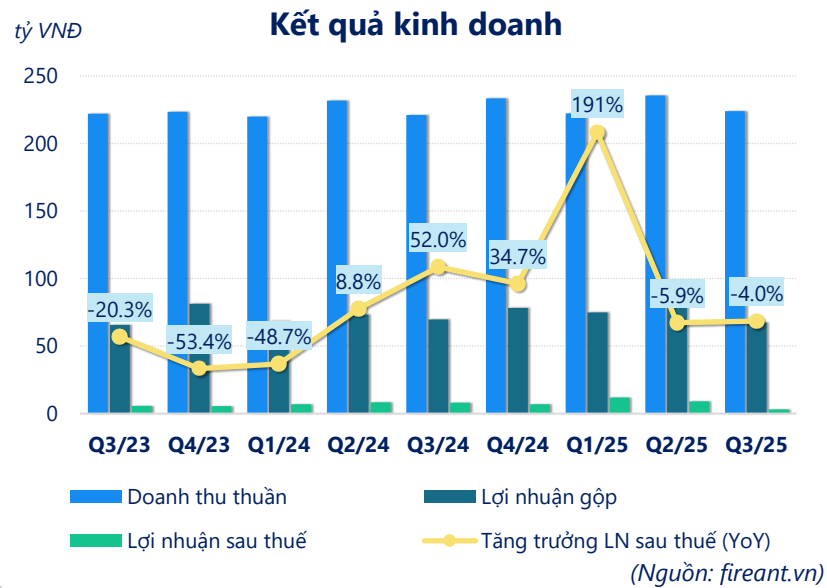


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,401
SL cổ phiếu LH		10,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		925
% sở hữu nước ngoài		5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		417
P/E		13.5
EPS		2,845

	YTD	1T	3T	6T
NBW	31.9%	11.0%	21.5%	20.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	311	325	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	117	126	-7.1%
Tiền và tương đương tiền	42.7	25.1	70.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	60.0	-75.0%
Phải thu ngắn hạn	23.6	11.7	102%
Hàng tồn kho	34.7	23.7	46.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	5.60	-80.8%
Tài sản dài hạn	194	199	-2.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	181	180	0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.93	9.31	-47.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.30	9.73	-14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	136	143	-4.5%
Nợ ngắn hạn	136	142	-4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	70.0	94.0	-25.5%
Nợ dài hạn	0.30	0.33	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	175	183	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	175	183	-4.2%
Vốn điều lệ	109	109	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	221	233	222	235	224
Giá vốn hàng bán	151	155	147	154	157
Lợi nhuận gộp	69.6	78.2	74.9	81.1	67.2
Doanh thu HĐTC	0.59	0.59	0.16	0.42	0.07
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	42.8	43.5	35.4	50.5	39.7
Chi phí QLDN	16.8	25.5	24.6	19.4	22.3
LN thuần từ HĐKD	10.6	9.83	14.9	11.6	5.29
Lợi nhuận khác	0.10	0.05	0.01	-0.01	-0.08
LN trước thuế	10.7	9.88	15.0	11.6	5.21
Lợi nhuận sau thuế	8.07	6.92	11.9	9.13	3.11
LNST của CĐ cty mẹ	8.07	6.92	11.9	9.13	3.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	30.6	-19.7	18.7	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.9	-25.2	30.9	-0.56	-8.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.8	0.22	0.00	-0.02	-17.4
Tiền đầu kỳ	27.4	19.5	25.1	36.2	54.3
Lưu chuyển tiền thuần	-7.89	5.59	11.1	18.1	-11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.5	25.1	36.2	54.3	42.7

(Nguồn: fireant.vn)